



lā jī chǎng
垃圾场

noun · garbage dump

Example Sentences

Zhè ge lā jī chǎng xū yào dìng qī qīng lǐ
这个垃圾场需要定期清理。

This garbage dump needs regular cleaning.

Chéng shì biān yuán yǒu yī ge dà xíng lā jī chǎng qì wèi hěn nán wén
城市边缘有一个大型垃圾场，气味很难闻。

There is a large garbage dump on the edge of the city, and the smell is very unpleasant.

Trace each character, then write the word on your own.

垃	垃	垃	垃	垃	垃	垃	垃	垃	垃	垃
圾	圾	圾	圾	圾	圾	圾	圾	圾		
场	场	场	场	场	场	场	场	场		